

Số: 1032/TCĐT-KH

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

V/v tham khảo thông tin giá nhà bạt cứu sinh các loại DTQG kế hoạch năm 2023

Kính gửi:

.....

.....

Tổng cục Dự trữ Nhà nước có nhu cầu mua nhà bạt cứu sinh loại 16,5m², loại 24,75m², loại 60m² và nhà bạt cứu sinh loại nhẹ 24,5m² (chỉ tiêu kỹ thuật theo Phụ lục đính kèm); đề nghị các cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh cho biết các thông tin liên quan, cụ thể như sau:

1. Thông tin cần tham khảo:

- Giá chào cung cấp tại thời điểm hiện nay (giá đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định; giao trên phương tiện bên bán tại cửa kho dự trữ).

- Các thông tin chi tiết nêu trong văn bản chào giá:

+ Chỉ tiêu, đặc tính kỹ thuật của nhà bạt cứu sinh tương ứng với tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Phụ lục đính kèm.

+ Model, hãng sản xuất và xuất xứ của mặt hàng chào giá.

+ Các điều kiện phát sinh có liên quan (nếu có).

+ Mức giá chào áp dụng cho số lượng lớn.

- Các nội dung khác có liên quan đến mặt hàng chào giá đạt tiêu chuẩn dự trữ quốc gia hoặc mặt hàng tương tự (nếu có): Giá giao dịch thành công (nếu có); thông tin nhập khẩu (nếu có) và các chi phí phát sinh liên quan về đến cửa kho dự trữ quốc gia trên cả nước.

2. Địa điểm giao hàng, điều kiện thanh toán: Tại cửa kho dự trữ quốc gia trên địa bàn các tỉnh trong cả nước; chuyển khoản, sau khi hàng đã nhập vào kho dự trữ quốc gia.

3. Thời hạn gửi báo giá: Trước ngày 27/7/2023; các báo giá được chào cho từng loại mặt hàng cụ thể và gửi về Tổng cục Dự trữ Nhà nước 02 bản chính/ 01 báo giá.

4. Nơi nhận báo giá: Tổng cục Dự trữ Nhà nước.

Địa chỉ: Số 4, Ngõ Hàng Chuối 1, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tel: 024.37625619. Email: duongngoccuong@gdsr.gov.vn

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý cơ quan, đơn vị.

Trân trọng cảm ơn! *ME*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Vụ KH (10 bản) *ccc*

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phổ Giang



Phụ lục

CHUNG LOẠI, ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA NHÀ BẠT CỨU SINH

(Kèm theo công văn số 1052/TCĐT-KH ngày 07/7/2023 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước)

I - NHÀ BẠT CỨU SINH

Nhà bạt cứu sinh có 03 loại như sau:

- Nhà bạt loại 60 m²
- Nhà bạt loại 24,75 m²
- Nhà bạt loại 16,5 m²

Nhà bạt cứu sinh đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Thông tư số 17/2010/TT-BTC ngày 01/2/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với nhà bạt cứu sinh; trong đó đáp ứng các yêu cầu cụ thể sau:

1. Quy định chung:

1.1. Nhà bạt cứu sinh là nhà bạt có cấu trúc lắp dựng tạm thời, cơ động. Khung mái nhà bạt bao gồm các cột, các vì kèo, các cọc ghim. Nhà bạt có cửa ra vào; vách xung quanh có cửa sổ; mái nhà bạt có cửa lấy ánh sáng (sau đây viết tắt là nhà bạt).

1.2. Lô nhà bạt là số lượng quy định nhà bạt có cùng chủng loại, cùng các thông số kỹ thuật, được sản xuất từ cùng nguyên liệu, theo cùng một phương pháp, trong khoảng thời gian nhất định, được giao nhận cùng một lúc. Mỗi lô nhà bạt giao nhận không lớn hơn 500 nhà bạt.

2. Quy định kỹ thuật:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật đối với nhà bạt

2.1.1. Yêu cầu về thiết kế

2.1.1.1. Kiểu dáng

- Nhà bạt loại 60 m²: Vỏ có 1 mảnh, 2 cửa đối xứng dạng hình hộp, 12 cửa sổ xung quanh, 2 cửa chiếu sáng nóc. Phần tiếp giáp đất bằng vải được chống thấm hai mặt.

- Nhà bạt loại 24,75 m²: Vỏ có 4 mảnh: 1 mảnh thân nhà có 6 cửa sổ bên và 1 cửa chiếu sáng nóc, 2 mảnh sau (hội nhà), 1 mảnh trước (cửa vào). Phần tiếp giáp đất bằng vải được chống thấm hai mặt.

- Nhà bạt loại 16,5 m²: Vỏ có 4 mảnh: 1 mảnh thân nhà có 4 cửa sổ bên và 1 cửa chiếu sáng nóc, 2 mảnh sau (hội nhà), 1 mảnh trước (cửa vào). Phần tiếp giáp đất bằng vải được chống thấm hai mặt.

Bảng 1: Thông số kỹ thuật của các loại nhà bạt (kích thước tính bằng milimet)

STT	Các thông số kỹ thuật	Loại nhà bạt			Sai số cho phép
		60 m ²	24,75 m ²	16,5 m ²	
1	Kích thước dài x rộng	9760 x 6150	5000 x 4950	5000 x 3300	±50
2	Chiều cao đỉnh nóc	3500	2600	2600	±50
3	Chiều cao vách nhà	1750	1750	1750	±50
4	Cửa ra vào (cao x rộng)	1750 x 1400	1750 x 1460	1750 x 1460	±50
5	Cửa sổ (cao x rộng)	460 x 420	400 x 500	400 x 500	±10
6	Cửa chớp lấy ánh sáng trên mái (dài x rộng)	440 x 350	280 x 250	280 x 250	±10

2.1.1.2. Quy cách khung và phụ kiện

Bảng 2: Quy cách khung và phụ kiện của nhà bạt

STT	Quy cách kết cấu	Loại nhà bạt					
		60 m ²		24,75 m ²		16,5 m ²	
		Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)	Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)	Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)
1	Cột chống chính (Thép ống)	3690 (φ 76; δ 1,5)	02				
2	Xà nóc (Thép ống)	3510 (φ 76; δ 1,5)	01				
3	Thanh kèo (Thép ống)			2182 (φ35; δ 1,25)	08	2182 (φ35; δ 1,25)	06
4	Thanh giằng (Thép ống)			1690 (φ28; δ 1,25)	09	1690 (φ28; δ 1,25)	06
5	Cột khung (Thép ống)	1880 (φ 42; δ 1,25)	22	1760 (φ 35; δ 1,25)	08	1760 (φ 35; δ 1,25)	06
6	Cột cửa (Thép ống)	1880 (φ 42; δ 1,25)	04	1799 (φ 35; δ 1,25)	02	1799 (φ 35; δ 1,25)	02
7	Xà ngang cửa (Thép ống)			1460 (φ 28; δ 1,25)	01	1460 (φ 28; δ 1,25)	01
8	Cọc thép căng dây néo (thép hình)	600 (L 50x50x5)	26	φ 30x334	11	φ 30x284	09
9	Dây néo (Polyeste hoặc Polypropylen)	3000 (φ 14)	26	3000 (φ 8÷ φ10)	11	3000 (φ 8÷ φ10)	09
10	Néo căng dây (Gỗ nhóm 3)	200x38 x26	26	120x24x20	11	120x24x20	09

Ghi chú: Các cột chống chính, xà nóc, thanh giằng... làm bằng thép có lớp sơn chống gỉ.

2.1.2. Yêu cầu vải may nhà bạt

2.1.2.1. Yêu cầu ngoại quan

Lớp PVC màu xanh cỏ úa phải phủ kín toàn bộ bề mặt cần phủ của vải. Vải phải mềm mại, màu sắc đồng nhất. Mặt vải không được phép có các khuyết tật như phòng rộp, vết sọc, xước, nứt rạn, thủng lỗ hoặc tạp chất lạ. Màu sắc, độ bóng, mờ của bề mặt sản phẩm phù hợp với mẫu sản phẩm chuẩn đã được thỏa thuận giữa bên mua và bán. Bề mặt vải không bị nứt rạn, phòng rộp sau khi lão hóa ở nhiệt độ 70 °C trong thời gian 72 h.

2.1.2.2. Yêu cầu hóa lý

Vải nền bằng chất liệu sợi bông hoặc sợi bông pha được tráng phủ hoặc phun keo PVC màu xanh cỏ úa. Vải không có dư lượng hóa chất độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Hàm lượng Pentaclorophenol (PCP) không lớn hơn 0,5 mg/kg vải; hàm lượng Formaldehyt không lớn hơn 300 mg/kg vải.

2.1.2.3. Yêu cầu cơ lý

Vải may nhà bạt có khả năng chống thấm nước tốt. Các chỉ tiêu cơ lý của vải may nhà bạt phù hợp với quy định tại Bảng 3.

Bảng 3: Chỉ tiêu cơ lý của vải may nhà bạt

STT	Tên chỉ tiêu	Mức giới hạn, yêu cầu
1	Kiểm tra chất liệu vải	Sợi bông hoặc bông pha
2	Mật độ sợi, sợi / 10cm, không nhỏ hơn - Dọc - Ngang	220 120
3	Khối lượng, g/m ²	450 ± 10
4	Độ dày, mm	0,45 ± 0,05
5	Độ bền kéo đứt, N/mm ² , không nhỏ hơn - Dọc - Ngang	95 47
6	Độ giãn dài khi kéo đứt, % - Dọc - Ngang	10 ÷ 25 20 ÷ 35
7	Độ bền uốn gấp: dọc, ngang, bề mặt tráng phủ PVC không xuất hiện dạng phá hủy đầu tiên như vết rạn nứt, bong rộp..., số lần gấp, không nhỏ hơn	10 000
8	Độ bền kết dính	không tách được
9	Độ bền xé rách khi chọc thủng bằng dây thép, N/mm, không nhỏ hơn - Dọc - Ngang	250 250
10	Độ kháng thấm nước dưới áp suất 700 mm H ₂ O, min, không nhỏ hơn	60

11	Độ bền kéo đứt sau lão hóa nhiệt ở 70 °C trong 72 h, N/mm ² , không nhỏ hơn - Dọc - Ngang	85 42
12	Độ bền kết dính sau lão hóa nhiệt ở 70 °C trong 72 h	không tách được
13	Độ kháng thấm nước sau lão hóa nhiệt ở 70°C trong 72 h (dưới áp suất 700 mm H ₂ O), min, không nhỏ hơn	60

2.1.3. Kỹ thuật may liên kết vỏ nhà bạt

Máy giáp đè 3 đường nếp gấp từ 15 mm đến 18 mm, mép vải gấp vào trong, máy bằng chỉ Polyeste, mật độ đường chỉ may 3 mũi/cm và chống thấm nước cho các đường may bằng

keo PVC. Tất cả các đường mũi bắt đầu và kết thúc đường may phải được may lại mũi 3 lần chồng khít nhau trên chiều dài từ 20 mm đến 30 mm.

2.1.4. Khối lượng nhà bạt

Bảng 4: Khối lượng các loại nhà bạt

STT	Khối lượng	Loại hình nhà bạt		
		16,5 m ²	24,75 m ²	60 m ²
1	Khối lượng vỏ bạt, kg	34 ± 2	43 ± 2	86 ± 2
2	Khối lượng khung và phụ kiện, kg	64 ± 2	84 ± 2	155 ± 2
3	Tổng khối lượng, kg	98 ± 4	127 ± 4	241 ± 4

2.1.5. Các yêu cầu khác

- Khuy cài: Khuy nhựa Polyetylen, các lỗ khuyết bọc nhôm hoặc đồng.

- Điểm chống cột được gia cố bằng cách may thêm một tấm phủ bằng đúng loại vải may nhà bạt, bảo đảm tránh không cho nước chảy theo dọc cột xuống.

2.2. Yêu cầu về nhà kho

- Nhà bạt cần được cất trữ ở những nơi thông thoáng, có mái che mưa nắng; đảm bảo khô ráo, sạch sẽ; tránh các tác động trực tiếp của tia cực tím và ánh nắng mặt trời.

- Nhà kho phải có trần chống nóng, có trang bị quạt hút tự nhiên trên mái kho, quạt thông gió trong kho sử dụng được khi cần thiết.

- Nhà kho phải có hệ thống chống chuột, phòng trừ mối mọt; cách xa các nguồn dễ cháy nổ phải có phương tiện cứu hỏa, chống lụt bão theo quy định.

- Nền kho phẳng, cứng, chịu được tải trọng tối thiểu 3,0 tấn/m².

3. Thời gian sản xuất:

Nhà bạt cứu sinh mới 100%, thời gian từ khi sản xuất đến khi nhập kho dự trữ quốc gia không lớn hơn 9 tháng (kể cả thời gian vận chuyển).

II - NHÀ BẠT CỨU SINH LOẠI NHE

Nhà bạt cứu sinh nhẹ loại 24,5 m²

Nhà bạt cứu sinh loại nhẹ đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Thông tư số 04/2011/TT-BTC ngày 07/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với nhà bạt cứu sinh loại nhẹ; trong đó đáp ứng các yêu cầu cụ thể sau:

1. Quy định chung:

1.1 Nhà bạt cứu sinh loại nhẹ là loại nhà bạt có khối lượng toàn bộ nhẹ; cấu trúc lắp dựng tạm thời, cơ động. Nhà bạt không có vì kèo mái. Kết cấu chịu lực của nhà bạt bằng hệ thống các cột chống chính, xà, cột chống xung quanh, cọc ghim và dây néo. Nhà bạt có cửa đi đầu hồi; vách xung quanh có cửa sổ; mái nhà có cửa lấy ánh sáng; không có tấm trải sàn (*sau đây viết tắt là nhà bạt nhẹ*).

1.2 Lô nhà bạt nhẹ là số lượng quy định nhà bạt nhẹ có cùng chủng loại, cùng các thông số kỹ thuật, được sản xuất từ cùng nguyên liệu, theo cùng một phương pháp, trong khoảng thời gian nhất định, được giao nhận cùng một lúc. Mỗi lô nhà bạt nhẹ giao nhận không lớn hơn 500 nhà bạt nhẹ.

2. Quy định kỹ thuật

2.1. Yêu cầu kỹ thuật đối với nhà bạt nhẹ

2.1.1. Yêu cầu về thiết kế

2.1.1.1. Kiểu dáng

Nhà bạt nhẹ có kiểu dáng hình hộp, bốn vách đứng, mái nhà thiết kế dễ dàng thoát nước, có độ dốc tối thiểu 30⁰.

Nhà bạt nhẹ loại 24,5 m²: Có 01 cửa đi đầu hồi, 08 cửa sổ ở bốn vách nhà, 01 cửa lấy ánh sáng trên mái trước;

**Bảng 1: Thông số kỹ thuật của nhà bạt nhẹ
(kích thước tính bằng milimet)**

STT	Các thông số kỹ thuật	Nhà bạt nhẹ loại 24,5 m ²	Sai số cho phép
1	Kích thước (dài x rộng)	4 950 x 4 950	± 50
2	Chiều cao đỉnh nóc	3 200	± 50
3	Chiều cao vách nhà	1750	± 50
4	Cửa đi (cao x rộng)	1 750x 1 400	± 50
5	Cửa sổ (cao x rộng)	500 x 500	± 10
6	Cửa lấy ánh sáng trên mái (dài x rộng)	400 x 300	± 10

2.1.1.2. Quy cách khung và phụ kiện

Bảng 2: Quy cách khung và phụ kiện của nhà bạt nhẹ

TT	QUY CÁCH KẾT CẤU	Nhà bạt nhẹ loại 24,5 m ²	
		Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)
1	Cột chống chính (Thép ống)	3.265 (φ 38; δ 1,2)	01
2	Xà ngang (Thép ống)	x	x
3	Cột chống xung quanh (Thép ống)	1750 ^(*) (φ 28; δ 1,0)	12
4	Cọc ghim căng dây néo (thép góc đều cạnh) ^(**)	L 40x40x3x400	12
5	Dây néo (Polyeste)	3500 (φ 10)	12
6	Néo căng dây (Gỗ nhóm 4)	140x28x20	12

Ghi chú: (*) Kích thước này không tính phần đỉnh mũ gia công.

(**) Có thể thay thế bằng thép ống tròn có độ bền và diện tích tiếp xúc với đất tương đương.

2.1.2. Yêu cầu vải may nhà bạt nhẹ

2.1.2.1. Yêu cầu ngoại quan

Lớp Polyvinylclorua (PVC) hoặc Polyurethane (PU) màu xanh cỏ úa phải phủ kín toàn bộ bề mặt cần phủ của vải may nhà bạt nhẹ. Vải may nhà bạt nhẹ phải mềm mại, màu sắc đồng nhất; mặt vải không được phép có các khuyết tật như bông rộp, vết sọc, xước, nứt rạn, thủng lỗ hoặc tạp chất lạ. Màu sắc, độ bóng, mờ của bề mặt vải may nhà bạt nhẹ phù hợp với mẫu sản phẩm chuẩn đã được thỏa thuận giữa bên mua và bán.

2.1.2.2. Yêu cầu cơ lý

Vải may nhà bạt nhẹ có khả năng chống thấm nước tốt. Các chỉ tiêu cơ lý của vải may nhà bạt nhẹ phù hợp với quy định tại Bảng 3.

Bảng 3: Chỉ tiêu cơ lý của vải may nhà bạt nhẹ

STT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Mức giới hạn, yêu cầu
1	Khối lượng, g/m ²	350 ± 10
2	Độ dày, mm, không nhỏ hơn	0,3
3	Độ bền kéo đứt, N/mm ² , không nhỏ hơn	
	- Dọc	95
	- Ngang	47
4	Độ giãn dài khi kéo đứt, %	
	- Dọc	20 ÷ 35
	- Ngang	30 ÷ 45
5	Độ bền uốn gấp: dọc, ngang, bề mặt tráng phủ PVC hoặc PU không xuất hiện dạng phá hủy đầu tiên như vết rạn nứt, bong rộp..., số lần gấp, không nhỏ hơn	10 000
6	Độ bền kết dính	không tách được

STT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Mức giới hạn, yêu cầu
7	Độ bền xé rách khi chọc thủng bằng dây thép, N/mm, không nhỏ hơn - Dọc - Ngang	250 250
8	Độ kháng thấm nước dưới áp suất 700 mm H ₂ O, min, không nhỏ hơn	60
9	Thử lão hóa ở nhiệt độ 70 °C trong thời gian 72h	
9.1	Bề mặt vải	Không bị nứt rạn, phồng rộp sau khi lão hóa.
9.2	Độ bền kéo đứt sau lão hóa, N/mm ² , không nhỏ hơn: + Dọc + Ngang	86 45
9.3	Độ bền kết dính sau lão hóa	không tách được
9.4	Độ kháng thấm nước sau lão hóa dưới áp suất 700 mm H ₂ O, min, không nhỏ hơn	60

2.1.2.3. Yêu cầu hóa lý

Vải nền bằng chất liệu Polyeste pha bông hoặc Polyeste 100% được tráng phủ bằng Polyvinylchlorua (PVC) hoặc Polyurethane (PU) màu xanh cỏ úa. Hàm lượng Formaldehyt quy định theo Thông tư số 32/2009/TT-BCT ngày 5/11/2009 của Bộ Công thương áp dụng đối với nhóm sản phẩm dệt may không tiếp xúc trực tiếp với da.

2.1.3. Kỹ thuật may liên kết vỏ nhà bạt nhẹ

2.1.3.1. Tất cả tấm vải may ghép thành vỏ nhà bạt nhẹ cắt dọc theo cạnh vải và được phép can ở thân. Không có các mảnh can có chiều rộng nhỏ hơn 300 mm, vị trí các đường can trên thân phải đảm bảo mỹ thuật.

Phần vỏ được may ghép theo chiều dọc vải, và đường can chấp kích thước từ 12 mm đến 13 mm, điều đều 10 mm đối với nhà bạt nhẹ loại 24,5 m².

2.1.3.2. Tất cả các đường chỉ may phải thẳng đều; mật độ ba mũi chỉ/1 cm; đường may không bị bỏ mũi chỉ, không sùi chỉ, không hở mũi kim may. Tất cả các điểm bắt đầu và kết thúc đường may phải được may lại mũi ba lần chồng khít nhau dài từ 20 mm đến 30 mm, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

2.1.3.3. Các đường may can chấp ráp nối giữa hai mặt phẳng liên tiếp của mái nhà; đường giao tuyến giữa mái và thân nhà phải thẳng; mặt phía trong có một tấm vải ốp, bản rộng 10 mm may đè mí hai bên 2 mm.

Đối với nhà bạt nhẹ loại 24,5 m² các cạnh từ đỉnh nóc xuống bốn góc mái bên trong tấm vải ốp có dây tăng cường dọc suốt chiều dài bằng băng vải dệt có bản rộng 40 mm chất liệu sợi Polyeste. Hai đầu dây trên và dưới liên kết với đầu cột chống chính và cột chống xung quanh khi lắp dựng.

2.1.3.4. Lỗ xuyên đầu cột chống xung quanh có dạng hình tròn xung quanh được tán ô-rê bằng kim loại hoặc thùa bằng dây chỉ đay. Hai mặt ô-rê tiếp xúc với vải bạt phải có tấm lót tránh han gỉ, không gây rách vải bạt và chống thấm nước.

2.1.3.5. Cửa đi, cửa sổ, cửa lấy ánh sáng trên mái

- Cửa đi: Là hai tấm vải riêng biệt có kích thước như nhau, mỗi tấm vải được may liền với thân nhà bạt nhẹ phía bên trong theo chiều rộng cửa đi; cửa đi mở ra bằng cách kéo về hai phía. Cửa đi được đóng mở bằng dây khuyết và chốt nhựa.

Phía ngoài cửa, sát mép đường chân mái có một tấm vải chắn mưa, nắng kích thước rộng từ 200 mm đến 250 mm, chiều dài lớn hơn chiều rộng cửa mỗi bên 150 mm. Tấm chắn mưa, nắng được may liền với vỏ nhà bạt nhẹ bằng một đường may dọc theo đường chân mái nhà.

- Cửa sổ: Mép trên cửa sổ cách đường chân mái 200 mm. Các mép cửa sổ có nẹp viền bằng vải bạt bản rộng 40 mm, mỗi góc cửa sổ được may đè một ke tam giác 50 mm x 50 mm. Hai chân song bằng dây Polyeste dệt bản rộng 30 mm vuông góc với nhau. Cánh cửa sổ may gấp mép xung quanh 7 mm mở ra phía ngoài và cuộn lên phía trên, các góc và giữa hai cạnh dọc của cánh cửa gắn khuy cài bằng dây dù có đường kính 5 mm, ở các điểm tương ứng với khuy cài tại thân nhà gắn chốt nhựa để cài khi đóng nắp cửa sổ.

- Cửa lấy ánh sáng trên mái: Các mép ngoài xung quanh cửa có nẹp viền bằng vải bạt, bản rộng 40 mm. Tấm che cửa lấy ánh sáng bằng vải bạt, may gấp mép xung quanh có nẹp gỗ hoặc khung thép để đóng mở dễ dàng không bị tóe khi có gió mạnh; kích thước lớn hơn kích thước cửa sổ từ 50 mm đến 70 mm mỗi chiều. Tấm che cửa lấy ánh sáng mở ra phía ngoài và cuộn lên phía trên bằng dây dù kéo.

2.1.3.6. Phần thân nhà bạt nhẹ tại các vị trí có cột chống phải có dây buộc để liên kết chắc chắn giữa vỏ nhà bạt nhẹ và cột chống khi lắp dựng.

2.1.3.7. Phần thân nhà bạt nhẹ tiếp đất có tấm chân gấu bằng vải trắng phủ chống thấm hai mặt, chiều rộng 350 mm đối với nhà bạt nhẹ loại 60 m², chiều rộng 250 mm đối với nhà bạt nhẹ loại 24,5 m² và nhà bạt nhẹ loại 16,5 m²; được may can chắp liền với thân nhà bạt nhẹ.

2.1.4. Khối lượng nhà bạt nhẹ loại 24,5 m²: Không lớn hơn 65 kg.

2.1.5. Các yêu cầu khác

- Trong cùng chủng loại nhà bạt nhẹ, các chi tiết tách rời như cột chống, cọc ghim, dây néo phải đảm bảo khả năng lắp lẫn cao.

- Cột chống chính, cột chống xung quanh bằng thép ống tối thiểu mác thép CT 38, không han gỉ, thủng, méo bẹp, các mối hàn nhẵn phẳng, liên tục, các khớp nối bảo đảm khít chặt.

Chân đế có mặt bích phía dưới để tăng độ vững chắc, cố định khi sử dụng. Toàn bộ ống và các chi tiết kim loại được sơn tĩnh điện cùng màu với màu của vỏ nhà bạt nhẹ.

- Dây néo bằng Polyeste có đường kính tối thiểu 10 mm, cấu tạo dạng sợi cáp có màu cùng với màu của vỏ nhà bạt nhẹ, có độ bền màu cao. Dây néo không bị sờn, phải liền đoạn không có mối nối, có độ bền kéo đứt không được nhỏ hơn 10 N/mm^2 .

- Cũ căng dây néo làm bằng gỗ nhóm 4, không có giác và được ngâm tẩm chống mối mọt; được sơn cùng màu với màu vỏ nhà bạt nhẹ.

- Cọc ghim bằng thép được làm sạch và sơn cùng màu với màu của vỏ nhà bạt nhẹ.

- Các phụ liệu may: Chỉ dùng may nhà bạt nhẹ là chỉ Polyeste Ne 30/3, các khuy cài cửa ra vào, cửa sổ bằng nhựa.

- Tất cả các đường chỉ may trên mái nhà bạt nhẹ phải đảm bảo không thấm nước mưa khi sử dụng. Cho phép dùng keo, băng keo chống thấm nhưng không được gây ảnh hưởng đến độ bền của vải bạt, chỉ may cũng như lớp tráng phủ trên bề mặt vải và đảm bảo mỹ quan.

- Điểm chống cột được gia cố bằng cách may thêm một tấm phủ bằng đúng loại vải may nhà bạt nhẹ, bảo đảm tránh không cho nước chảy theo dọc cột xuống.

3. Thời gian sản xuất:

Nhà bạt cứu sinh mới 100%, thời gian từ khi sản xuất đến khi nhập kho dự trữ quốc gia không lớn hơn 9 tháng (kể cả thời gian vận chuyển).
